

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 27-5- 2021

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Sen

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

+ Bà Nguyễn Thị Chiêu

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Nơi ĐKKH: Cụm 7, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã CQ, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Vương S, sinh năm 1990

Địa chỉ: Cụm 7, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L (Tức L1), sinh năm 1967

Địa chỉ: Cụm 7, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn Vương S kết hôn năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã TX

trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh S tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh S tại Cụm 7, xã TX. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do chị và anh S chưa có nhiều thời gian tìm hiểu nhau nên khi về chung sống vợ chồng chưa thật sự hòa hợp, không có sự cảm thông trong các mối quan hệ giữa chị với gia đình chồng, giữa gia đình chồng với con riêng của chị. Vợ chồng không có sự chia sẻ trong công việc, kinh tế; anh S, gia đình anh S luôn nghi ngờ chị lén lút đưa tiền về cho bố mẹ đẻ của chị để nuôi con riêng của chị với người chồng trước. Mặt khác, anh S thường xuyên mắng chị, nói xấu chị với hàng xóm và đưa chị lên facebook để kể tội; chị đã nhắc nhở anh S rất nhiều lần nhưng anh S không nghe. Ngày 27/01/2020, chị và anh S cãi nhau nên anh S đưa chị và con về trả bố mẹ đẻ chị. Kể từ đó, vợ chồng sống ly thân đến nay. Sau khoảng một tháng, anh S đến đón chị về đoàn tụ nhưng chị không về và cũng từ đó vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống hạnh phúc ít hơn thời gian sống ly thân nên chị kiên quyết đề nghị được ly hôn anh S.

* Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Lê Diệu A, sinh ngày 29/11/2018. Đầu năm 2021, anh S đón cháu Diệu A về ở với anh đến nay, không cho chị thăm, gặp và đón cháu Diệu A. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Diệu A và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ: Vợ chồng không có.

- Về tài sản riêng: Trước ngày cưới bố mẹ chị cho riêng chị 01 kiềng tay và 01 kiềng cổ định lượng 01 cây vàng, loại vàng 9999. Sau khi tổ chức đám cưới với anh S được 02 ngày, chị đã nhờ mẹ đẻ anh S là bà L1 cất giữ hộ. Do là mẹ chồng với con dâu mới cưới nên các bên không viết giấy tờ. Khi vợ chồng sống ly thân, chị nhiều lần về gặp bà L1 xin lại số vàng trên thì bà L1 không trả, có hứa khi nào chị và anh S giải quyết ly hôn xong thì bà sẽ trả. Nay chị đề nghị bà L1 phải trả chị số vàng nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 10/5/2021, chị có đơn xin rút yêu cầu bà L (L1) trả lại số vàng trên, chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Vương S trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí lời trình bày của chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ anh. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Kể từ khi vợ chồng thuê nhà mở quán ăn thì anh có nhắc nhở chị H vệ sinh quán, để quên chìa khóa nhưng chị H nói với mẹ đẻ chị H “Anh bắt chị ngủ ở quán”. Ngày 03 tết âm lịch năm 2020, anh và chị H chúc tết bên ngoại, anh nói chuyện với bố mẹ chị H nhưng chị H cho rằng anh nói xấu chị H. Kể từ ngày đó, chị H đưa cháu Diệu A chuyển về nhà bố đẻ chị H sinh sống. Anh đến nói chuyện, xin lỗi chị H nhưng chị H kiên quyết không bỏ qua. Hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Kể từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân và không nói chuyện gì với nhau. Chị H xin ly hôn anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị H. Nếu chị H kiên quyết ly hôn anh thì tùy chị H.

* Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Cháu Diệu A đang ở với anh từ đầu năm 2021 đến nay. Ly hôn anh xin được nuôi

cháu Diệu A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ: Vợ chồng không có.

- Về tài sản riêng: Chị H có 01 vòng kiềng cổ bằng vàng được bố mẹ chị H cho riêng. Anh không biết trọng lượng bao nhiêu, loại vàng. Việc chị H nhờ mẹ anh cất giữ thì anh không chứng kiến trực tiếp mà chỉ được chị H kể lại. Chị H đề nghị mẹ anh trả lại số vàng trên thì quan điểm của anh nếu ly hôn cái gì thuộc về chị H thì mẹ anh sẽ trả chị H.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L (L1) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S, chị H về chung sống với vợ chồng bà. Anh S, chị H sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H sinh sống từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị H nhậu tin cho người khác, anh S nói thì chị H cãi lại; trước khi anh S, chị H ly thân thì anh S nói xấu sau đó đã xin lỗi chị H nhưng chị H không bỏ qua. Ngày mùng 03 tết âm lịch năm 2020, anh S, chị H về ngoại chúc tết, chị H cho rằng anh S nói xấu chị H. Chị H sinh sống luôn cùng gia đình bố mẹ đẻ chị H từ đó đến nay. Anh S đến đón, động viên chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về.

Sau khi cưới, chị H có gửi bà cất giữ vàng gồm: 01 vòng tròn to, trên vòng tròn to chắc có đính 01 vòng tròn nhỏ, bà không biết loại vàng, định lượng bao nhiêu. Việc chị H gửi bà giữ số vàng này thì chỉ có bà và chị H biết; các bên không lập biên bản, giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến. Bà vẫn đang giữ số vàng trên của chị H. Ngoài ra, chị H không gửi bà giữ tài sản nào khác. Nay chị H đề nghị bà trả lại số vàng thì bà đồng ý trả sau khi có bản án, quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Chị và anh S không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân hơn một năm và không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh S. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Diệu A không bị thay đổi về mọi mặt thì chị nhất trí giao cháu Diệu A cho anh S nuôi dưỡng. Chị giữ nguyên quan điểm về tài sản chung, nợ. Chị rút yêu cầu bà L trả lại chị 01 kiềng tay và 01 kiềng cổ định lượng 01 cây vàng, loại vàng 9999.

Anh S trình bày: Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Anh xin nuôi cháu Diệu A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Phần tài sản chung, nợ; phần tài sản riêng thì anh giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án.

Bà L trình bày: Bà giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Vương S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn Vương S. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh S, giao anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Diệu A, sinh ngày 29/11/2018 cho đến khi cháu Diệu A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện về việc xin ly hôn anh Lê Văn Vương S có địa chỉ đăng ký thường trú tại: Cụm 7, xã Thọ Xuân, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H xin được ly hôn với anh S.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh S đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã TX trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chị H, anh S chung sống cùng nhau không hòa hợp, cảm thông, chia sẻ trong cuộc sống. Anh S, chị H đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay và không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh S, chị H không có mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh S đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh S, chị H đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn Vương S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Xét yêu cầu của chị H xin được nuôi cháu Lê Diệu A.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H, anh S có 01 con chung là cháu Lê Diệu A, sinh ngày 29/11/2018. Anh S, chị H đều có thu nhập, chỗ ở ổn định và có nguyện vọng nuôi cháu Diệu A. Hiện tại, anh S đang nuôi dưỡng cháu Diệu A. Chị H không muốn cuộc sống của cháu Diệu A bị thay đổi về mọi mặt nên chị H đồng ý giao cháu Diệu A cho anh S nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh S: Giao cháu Lê Diệu A cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ: Chị H, anh S không có tài sản gì nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Chị H rút yêu cầu đề nghị bà Nguyễn Thị L trả 01 kiềng tay, 01 kiềng cổ định lượng 01 cây vàng; loại vàng 9999. Xét yêu cầu của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị H.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn Vương S.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Vương S có 01 con chung là cháu Lê Diệu A, sinh ngày 29/11/2018. Chị H và anh S thỏa thuận: Giao cháu Lê Diệu A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Diệu A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H cho đến khi anh S có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không có.

4. Đình chỉ xét xử về việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị L (L1) trả lại chị H 01 chiếc tay và 01 chiếc cổ định lượng 01 cây vàng, loại vàng 9999.

5. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014773 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Trả lại chị H số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí.

6. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Thọ Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

